

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí hàng năm và giá điện của
nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí hàng năm và giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định phương pháp xác định chi phí hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong giai đoạn thị trường phát điện cạnh tranh và phương pháp, trình tự xác định giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

2. Thông tư này áp dụng đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và các Tổng công ty Điện lực.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu* là nhà máy thủy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quy định tại Quyết định số 2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy thủy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nêu trên thuộc danh sách do Bộ Công Thương ban hành.

2. *Năm N* là năm dương lịch tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. *Năm N-1* là năm liền trước năm N.

4. *Năm N-2* là năm liền trước năm N-1.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ HÀNG NĂM CỦA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CHIẾN LƯỢC ĐA MỤC TIÊU TRONG GIAI ĐOẠN THỊ TRƯỜNG PHÁT ĐIỆN CẠNH TRANH

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

Tổng chi phí hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ cần thiết của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

Điều 4. Phương pháp xác định chi phí hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

1. Tổng chi phí năm N (C_N) của nhà máy được xác định theo công thức sau:

$$C_N = C_{VL} + C_{TL} + C_{KH} + C_{DVMN} + C_{SCL} + C_{LV} + C_K$$

Trong đó:

C_{VL} : Chi phí vật liệu năm N (đồng);

C_{TL} : Chi phí tiền lương năm N (đồng);

C_{KH} : Chi phí khấu hao tài sản cố định năm N (đồng);

C_{DVMN} : Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (đồng);

C_{SCL} : Chi phí sửa chữa lớn năm N (đồng);

C_{LV} : Chi phí lãi vay năm N (đồng);

C_K : Chi phí khác bằng tiền năm N (đồng).

2. Chi phí vật liệu năm N (C_{VL}) của nhà máy: Xác định theo chi phí vật liệu của nhà máy năm N-2 căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

3. Chi phí tiền lương năm N (C_{TL}) của nhà máy bao gồm: Tổng chi phí tiền lương, tiền thưởng an toàn điện và các chi phí có tính chất lương như chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định năm N (C_{KH}) của nhà máy: Xác định trong năm N căn cứ quy định về thời gian sử dụng và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung sau này.

5. Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (C_{DVMN}) của nhà máy: Xác định theo chi phí dịch vụ mua ngoài của nhà máy năm N-2 căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

6. Chi phí sửa chữa lớn năm N (C_{SCL}) của nhà máy: Xác định theo tổng dự toán sửa chữa lớn cho các hạng mục đến hạn sửa chữa lớn trong năm N.

7. Chi phí lãi vay năm N (C_{LV}) của nhà máy: Xác định theo các hợp đồng vay vốn hoặc các văn bản, tài liệu có tính pháp lý giữa chủ đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng cho vay.

8. Chi phí khác bằng tiền năm N (C_K) của nhà máy là các chi phí bao gồm: Công tác phí; chi phí hội nghị, tiếp khách; chi phí đào tạo; chi phí nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến; tiền ăn ca; chi phí dân quân tự vệ, bảo vệ, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy; chi phí bảo hộ lao động, trang phục làm việc, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và môi trường; chi phí nước uống trong giờ làm việc, bồi dưỡng hiện vật ca đêm, độc hại; chi phí sơ cấp cứu tai nạn lao động, thuốc chữa bệnh thông thường, phục hồi chức năng cho người lao động; chi phí trợ cấp mất việc làm, chi phí tuyển dụng; chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo quy định;

chênh lệch tỷ giá thực hiện tính theo quy định hiện hành và các khoản chi phí bằng tiền khác cho năm N.

Tổng chi phí khác bằng tiền năm N của nhà máy (không bao gồm chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo quy định, chênh lệch tỷ giá) được xác định theo chi phí bằng tiền khác của đơn vị năm N-2 đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

9. Đối với các chi phí được xác định căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-2, trong trường hợp có báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-1, áp dụng tính toán các chi phí này căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-1.

Chương III

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ ĐIỆN CỦA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CHIẾN LƯỢC ĐA MỤC TIÊU TRONG GIAI ĐOẠN THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH

Điều 5. Nguyên tắc xác định giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

1. Giá hợp đồng mua bán điện của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu quy định trong Hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (bên Bán) và các Tổng công ty Điện lực (bên Mua) được xây dựng đảm bảo cho nhà máy chi trả được các chi phí hợp lý, hợp lệ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện và có lợi nhuận hợp lý.

2. Giá điện các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu được điều chỉnh bổ sung chi phí và điều chỉnh sản lượng điện phát để đảm bảo thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Phương pháp xác định giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu đã hết khấu hao các tài sản chính

1. Giá điện kể từ thời điểm vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu đã hết khấu hao các tài sản chính được tính toán theo nguyên tắc đảm bảo cho nhà máy thu hồi các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện.

2. Giá điện được tính theo chu kỳ sửa chữa lớn thiết bị chính là 4 năm và được xác định theo công thức sau:

$$P_C = \frac{C_{CK} + LN}{A_{bq}}$$

Trong đó:

P_C : Giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu (đồng/kWh);

C_{CK} : Tổng chi phí bình quân năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong chu kỳ tính giá, được xác định trên cơ sở tổng chi phí năm N quy định tại Khoản 3 Điều này và tổng chi phí các năm tiếp theo năm N trong chu kỳ tính giá quy định tại Khoản 4 Điều này;

LN : Lợi nhuận định mức của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, được xác định bằng vốn chủ sở hữu tương ứng với giá trị tài sản còn lại của nhà máy nhân (x) tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu; trong đó, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu của nhà máy lấy bằng tỷ suất lợi nhuận chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong khung giá bán lẻ điện đang áp dụng;

A_{bq} : Điện năng xuất tuyến bình quân năm trong 5 năm gần nhất thời điểm đàm phán giá điện.

3. Tổng chi phí năm N của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu đã hết khấu hao các tài sản chính để tính giá được xác định theo công thức sau:

$$C_N = C_{VL} + C_{TL} + C_{KH} + C_{DVMN} + C_{SCL} + C_{LV} + C_K$$

Trong đó:

C_{VL} : Chi phí vật liệu năm N (đồng);

C_{TL} : Chi phí tiền lương năm N (đồng);

C_{KH} : Chi phí khấu hao tài sản cố định năm N (đồng);

C_{DVMN} : Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (đồng);

C_{SCL} : Chi phí sửa chữa lớn năm N (đồng);

C_{LV} : Chi phí trả lãi vay và các khoản phí để vay vốn, phải trả trong năm N cho đầu tư tài sản nhà máy (đồng);

C_K : Chi phí khác bằng tiền năm N (đồng).

a) Chi phí vật liệu năm N (C_{VL}) của nhà máy: Xác định theo chi phí vật liệu của nhà máy năm $N-2$ căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh

doanh điện đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

b) Chi phí tiền lương năm N (C_{TL}) bao gồm: Tổng chi phí tiền lương, tiền thưởng an toàn điện và các chi phí có tính chất lương như chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Chi phí khấu hao năm N (C_{KH}) của nhà máy: Xác định theo quy định về thời gian sử dụng và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế sau này.

d) Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (C_{DVMN})

Chi phí dịch vụ mua ngoài (C_{DVMN}) là tổng các chi phí trả cho tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị về các dịch vụ thực hiện theo yêu cầu gồm: Tiền nước, điện thoại, sách báo; chi phí điện mua ngoài; chi phí thuê tư vấn kiểm toán và chi phí cho các dịch vụ khác để phục vụ cho công tác quản lý, vận hành của đơn vị thủy điện chiến lược đa mục tiêu năm N.

Chi phí dịch vụ mua ngoài năm N được xác định theo chi phí dịch vụ mua ngoài của đơn vị năm N-2 đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

đ) Chi phí sửa chữa lớn năm N (C_{SCL})

Chi phí sửa chữa lớn năm N (C_{SCL}) được các bên thoả thuận trên cơ sở chi phí sửa chữa lớn thực tế bình quân 4 năm liền kề trước năm N-1, có xem xét loại trừ chi phí bất thường. Áp dụng tổng dự toán sửa chữa lớn cho các hạng mục đến hạn sửa chữa lớn trong năm N trong trường hợp nhà máy đã có kế hoạch và được phê duyệt tổng dự toán sửa chữa lớn cho các hạng mục này.

e) Chi phí trả lãi vay và các khoản phí để vay vốn phải trả trong năm N (C_{LV}): Xác định theo các hợp đồng vay vốn hoặc các văn bản, tài liệu có tính pháp lý giữa chủ đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng cho vay.

g) Chi phí khác bằng tiền năm N (C_K)

Chi phí khác bằng tiền năm N (C_K) là các chi phí gồm: Công tác phí; chi phí hội nghị, tiếp khách; chi phí đào tạo; chi phí nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến; tiền ăn ca; chi phí dân quân tự vệ, bảo vệ, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy; chi phí bảo hộ lao động, trang phục làm việc, an toàn lao động,

vệ sinh công nghiệp và môi trường; chi phí nước uống trong giờ làm việc, bồi dưỡng hiện vật ca đêm, độc hại; chi phí sơ cấp cứu tai nạn lao động, thuốc chữa bệnh thông thường, phục hồi chức năng cho người lao động; chi phí trợ cấp mất việc làm, chi phí tuyển dụng; chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo quy định; chênh lệch tỷ giá thực hiện tính theo quy định hiện hành và các khoản chi phí bằng tiền khác cho năm N.

Chi phí khác bằng tiền năm N (không bao gồm chi phí thuê đất, thuế tài nguyên, tiền dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo quy định, chênh lệch tỷ giá) được xác định theo chi phí bằng tiền khác của đơn vị năm N-2 đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

h) Đối với các chi phí được xác định căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-2, trong trường hợp có báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-1, áp dụng tính toán các chi phí này căn cứ trên báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán năm N-1.

4. Tổng chi phí năm các năm tiếp theo năm N trong chu kỳ tính giá điện (năm N+1; N+2; N+3) của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu được xác định như sau:

a) Chi phí khấu hao, chi phí tiền lương và chi phí trả lãi vay các năm tiếp theo trong chu kỳ tính giá được xác định theo quy định pháp luật hiện hành và hợp đồng vay vốn của nhà máy;

b) Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác các năm tiếp theo trong chu kỳ tính giá được xác định căn cứ trên tổng chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác của năm N, loại trừ các chi phí đột biến bất thường và xem xét chi phí tăng thêm để đảm bảo thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm;

c) Chi phí sửa chữa lớn các năm tiếp theo trong chu kỳ tính giá được xác định trên cơ sở chi phí sửa chữa lớn thực tế bình quân 4 năm liền kề trước năm N-1, có xem xét loại trừ chi phí bất thường và tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

Điều 7. Phương pháp xác định giá điện của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

1. Giá điện kể từ thời điểm vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh cho nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu xác định được tổng mức đầu tư tính giá được tính theo công thức sau:

$$P_C = FC + FOMC_b$$

Trong đó:

FC: Giá cố định bình quân của nhà máy được xác định theo phương pháp quy định tại Khoản 2 Điều này (đồng/kWh);

FOMC_b: Giá vận hành và bảo dưỡng tại năm áp dụng giá của nhà máy được xác định theo phương pháp quy định tại Khoản 3 Điều này (đồng/kWh).

2. Giá điện cố định bình quân của nhà máy được xác định theo phương pháp dòng tiền chiết khấu, trên cơ sở phân tích tài chính của dự án theo các Biểu mẫu 1 và Biểu mẫu 2 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này với các thông số đầu vào như sau:

a) Về thời gian tính giá điện: Thời gian tính giá điện theo thời gian còn lại của đời sống kinh tế nhà máy điện kể từ năm áp dụng giá (năm vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh) (năm).

b) Đời sống kinh tế là 40 năm kể từ ngày vận hành chính thức nhà máy điện.

c) Về sản lượng điện: Sản lượng điện phát tính theo sản lượng điện thiết kế có tính đến tình hình thực tế kể từ ngày nhà máy hòa lưới điện quốc gia (kWh).

d) Tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất máy biến áp tăng áp của nhà máy: Xác định theo thiết kế cơ sở được duyệt của nhà máy hoặc theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo thiết bị hoặc bình quân tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất máy biến áp tăng áp của nhà máy trong 10 năm gần nhất (%).

đ) Tổng mức đầu tư: Tính theo giá trị tài sản còn lại tại năm áp dụng giá (giá trị cần thu hồi vốn trong thời gian tính giá), có tính đến giá trị tài sản đầu tư mới các năm tiếp theo (có đủ hồ sơ pháp lý) (đồng).

e) Cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay: căn cứ trên giá trị vốn chủ sở hữu tương ứng với giá trị tài sản còn lại và giá trị tài sản đầu tư mới trong thời gian tính giá điện và giá trị vốn vay phải trả trong thời gian tính giá điện (%).

g) Thuế thu nhập doanh nghiệp, các loại thuế, phí khác: Xác định theo quy định hiện hành.

h) Thời gian trích khấu hao từng nhóm tài sản cố định chính: Xác định trên cơ sở bình quân thời gian trích khấu hao tài sản cố định chính của từng nhóm tài sản cố định theo khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định chính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố

định hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trường hợp nếu có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thời gian trích khấu hao tài sản cố định khác với khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, áp dụng thời gian trích khấu hao tài sản cố định tại văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (năm).

i) Lãi suất vay vốn và thời gian trả nợ vay trong thời gian tính giá điện: Căn cứ vào hợp đồng vay vốn hoặc các văn bản tài liệu có tính pháp lý giữa chủ đầu tư và các tổ chức tín dụng ngân hàng cho vay.

3. Giá vận hành và bảo dưỡng tại năm áp dụng giá ($FOMC_b$) được xác định theo công thức sau (đồng/kWh):

$$FOMC_b = FOMC_b^{sc1} + FOMC_b^{nc}$$

Trong đó:

$FOMC_b^{sc1}$: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định theo chi phí sửa chữa lớn và các chi phí khác tại năm áp dụng giá, được xác định trên cơ sở chi phí vận hành và bảo dưỡng theo sửa chữa lớn và các chi phí khác và sản lượng điện xuất tuyến.

$FOMC_b^{nc}$: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định theo chi phí nhân công tại năm áp dụng giá, được xác định trên cơ sở chi phí vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công và sản lượng điện xuất tuyến.

Chi phí vận hành và bảo dưỡng theo sửa chữa lớn và các chi phí khác tại năm áp dụng giá được xác định trên cơ sở định mức chi phí do Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng có tính đến chi phí thực tế thực hiện các năm vận hành, trượt giá 2,5%/năm.

Chi phí vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công tại năm áp dụng giá được tính theo quy định hiện hành, trượt giá 2,5%/năm.

Chương IV

TRÌNH TỰ XÁC ĐỊNH GIÁ ĐIỆN, THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN CỦA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CHIẾN LƯỢC ĐA MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH

Điều 8. Áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu

1. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán điện mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực đàm phán thỏa thuận, thống nhất Hợp đồng mua bán điện giữa hai bên.

2. Trường hợp các nhà máy điện đã có hợp đồng mua bán điện mà một trong hai bên muốn sửa đổi theo Hợp đồng mua bán điện mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, hai bên đàm phán, thỏa thuận, báo cáo Cục Điều tiết điện lực xem xét, kiểm tra và có ý kiến theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Trình tự đàm phán hợp đồng mua bán điện

1. Bên bán có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện gửi Bên mua để đàm phán và thực hiện các bước để ký hợp đồng mua bán điện.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện hợp lệ của Bên bán, Bên mua có trách nhiệm đàm phán hợp đồng mua bán điện với Bên bán. Kết thúc quá trình đàm phán hợp đồng mua bán điện, hai bên phải ký tắt dự thảo hợp đồng mua bán điện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày dự thảo hợp đồng mua bán điện được ký tắt, Bên bán có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra hợp đồng mua bán điện, trình Cục Điều tiết điện lực kiểm tra.

4. Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bên mua nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện mà hai bên chưa đạt được thỏa thuận cuối cùng, Bên bán có trách nhiệm lập báo cáo về các nội dung chưa thỏa thuận được trình Cục Điều tiết điện lực xem xét, có ý kiến. Đối với các vấn đề vượt thẩm quyền giải quyết, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương xem xét, có ý kiến.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện

1. Hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện cho các nhà máy điện gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện;

b) Dự thảo hợp đồng mua bán điện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và các văn bản, tài liệu liên quan đến cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay và giá trị tài sản còn lại để tính giá; các nội dung chính trong thiết kế cơ sở/kỹ thuật của dự án đầu tư có liên quan đến việc đàm phán hợp đồng mua bán điện; quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư, quyết định phê duyệt kết quả quyết toán, kiểm toán vốn đầu tư hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền; hồ sơ pháp lý các tài sản đầu tư mới các năm tiếp theo;

d) Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đã được kiểm toán của nhà máy điện;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của nhà máy; tài liệu về đầu nối nhà máy điện; số liệu kỹ thuật SCADA/EMS và hệ thống thông tin điều độ;

e) Hợp đồng vay vốn hoặc các văn bản, tài liệu có tính pháp lý giữa chủ đầu tư và các bên cho vay, kế hoạch hoặc thực tế giải ngân các nguồn vốn vay;

g) Tài liệu tính toán tổn thất công suất và điện năng của máy biến áp, đường dây truyền tải từ nhà máy điện đến điểm đầu nối với hệ thống điện quốc gia và tài liệu tính toán điện tự dùng trong nhà máy điện;

h) Phương án giá bán điện được xác định theo phương pháp quy định tại Thông tư này;

i) Các tài liệu liên quan khác.

2. Hồ sơ đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện cho các nhà máy điện đã hết khấu hao các tài sản chính gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị đàm phán hợp đồng mua bán điện;

b) Dự thảo hợp đồng mua bán điện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ kỹ thuật của nhà máy, số liệu kỹ thuật hệ thống SCADA/EMS, đặc tính vận hành P-Q các tổ máy tới thời điểm hiện tại;

d) Phương án giá bán điện của nhà máy được xác định theo quy định tại Thông tư này;

đ) Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và báo cáo chi phí và giá thành sản xuất, kinh doanh điện đã được kiểm toán của nhà máy điện năm N-1 và năm liền kề trước năm N-1;

e) Các tài liệu liên quan khác.

Điều 11. Trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện

1. Sau khi kết thúc đàm phán và ký tắt hợp đồng mua bán điện, Bên bán có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Thông tư này, trình Cục Điều tiết điện lực kiểm tra. Bên bán và Bên mua có trách nhiệm báo cáo, giải trình các nội dung liên quan.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra hợp đồng mua bán điện, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và có văn bản yêu cầu Bên bán và Bên mua bổ sung các tài liệu còn thiếu theo quy định.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra hợp đồng mua bán điện hợp lệ, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra và có ý kiến về hợp đồng mua bán điện.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến kiểm tra hợp đồng mua bán điện, hai bên có trách nhiệm ký chính thức hợp đồng mua bán điện. Trường hợp quá thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều này mà Cục Điều tiết điện lực chưa có ý kiến đối với hợp đồng mua bán điện, hai bên được phép ký chính thức hợp đồng mua bán điện theo các nội dung đã thỏa thuận. Bên mua có trách nhiệm gửi 01 (một) bản sao hợp đồng mua bán điện đã ký cho Cục Điều tiết điện lực để lưu và theo dõi thực hiện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Điều tiết điện lực

1. Rà soát chi phí các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong phương án giá điện hàng năm theo quy định trong giai đoạn thị trường phát điện cạnh tranh.

2. Kiểm tra, có ý kiến về hợp đồng mua bán điện và các hiệu chỉnh bổ sung hợp đồng của các nhà máy điện trong giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

3. Hướng dẫn và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình đàm phán hợp đồng mua bán điện giữa các bên.

4. Giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện trong trường hợp hai bên thỏa thuận việc giải quyết tranh chấp tại Cục Điều tiết điện lực.

Điều 13. Trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

1. Trong giai đoạn thị trường phát điện cạnh tranh

Xác định chi phí các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, hoàn chỉnh theo ý kiến của Cục Điều tiết điện lực để đưa vào phương án giá điện hàng năm theo quy định.

2. Trong giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu với các Tổng công ty Điện lực theo quy định tại Thông tư này và quy định về thị trường bán buôn điện cạnh tranh; cung cấp đầy đủ các thông tin, chịu trách nhiệm, đảm bảo tính chính

xác, hợp lý, hợp lệ của số liệu, tài liệu cung cấp cho đơn vị, cơ quan liên quan trong quá trình đàm phán và kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Điều 14. Trách nhiệm của Tổng công ty Điện lực

Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2018, thay thế Thông tư số 46/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục thẩm định và phê duyệt chi phí định mức hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các Tổng công ty Điện lực;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐTĐL, PC.



Trần Tuấn Anh

Phụ lục 1

CÁC MẪU BIỂU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 26 /2017/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Biểu 1 - Dự toán kết quả kinh doanh

Đơn vị tính:

STT	Nội dung	Năm N	Năm N+1	Năm N+2	...	Tổng cộng
I	Tổng thu nhập					
1	Doanh thu từ bán điện					
2	Lợi ích khác thu được từ dự án (nếu có)					
3	Trợ giá (nếu có)					
II	Tổng chi phí					
1	Chi phí khấu hao tài sản cố định					
2	Chi phí vận hành và bảo dưỡng					
3	Chi phí khác (nếu có)					
4	Chi phí lãi vay					
III	Lợi nhuận trước thuế (I)-(II)					
IV	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
V	Lợi nhuận sau thuế (III)-(IV)					

Ghi chú: - Doanh thu từ bán điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng và các loại thuế phí khác (nếu có).

- Biểu 1 lập từ năm bắt đầu áp dụng giá.

Biểu 2-Dòng tích lũy tài chính và các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính:

STT	Nội dung	Năm N	Năm N+1	Năm N+2	...	Tổng cộng
I	Nguồn					
1	Doanh thu từ bán điện					
2	Lợi ích khác thu được từ dự án (nếu có)					
3	Trợ giá (nếu có)					
4	Giá trị còn lại của tài sản cố định (tính vào năm cuối dự án)					
5	Giá trị thu hồi vốn lưu động (tính vào năm cuối dự án)					
II	Sử dụng					
1	Vốn chủ sở hữu còn phải thu hồi					
2	Chi phí khác (nếu có)					
3	Trả gốc vay					
4	Chi phí lãi vay					
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
III	Tích lũy tài chính (I)-(II)					
IV	Tích lũy tài chính chiết khấu					
V	Tích lũy tài chính chiết khấu lũy kế					

Ghi chú: - Doanh thu từ bán điện chưa bao gồm thành phần vận hành và bảo dưỡng, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng và các loại thuế phí khác (nếu có).

- Biểu 2 lập từ năm bắt đầu áp dụng giá.

Phụ lục 2

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26./2017/TT-BCT
ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN
NHÀ MÁY ĐIỆN**

Giữa

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
(BÊN BÁN)**

- và -

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC [tên công ty]
(BÊN MUA)**

HỢP ĐỒNG SỐ:/20.../HD-NMĐ-[tên Nhà máy điện]

Hà Nội, tháng .../20.....

MỤC LỤC

Điều 1. Định nghĩa

Điều 2. Hiệu lực và thời hạn Hợp đồng

Điều 3. Mua bán điện năng

Điều 4. Cam kết thực hiện

Điều 5. Điều độ và vận hành Nhà máy điện

Điều 6. Lập hoá đơn và thanh toán

Điều 7. Sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng và chế tài áp dụng

Điều 8. Chấm dứt và đình chỉ thực hiện Hợp đồng

Điều 9. Bồi thường thiệt hại

Điều 10. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

Điều 12. Giai đoạn chuyển tiếp sang thị trường bán lẻ cạnh tranh

Điều 13. Lưu giữ hồ sơ và cung cấp thông tin

Điều 14. Các chi phí khác

Điều 15. Đại diện có thẩm quyền và trao đổi thông tin

Điều 16. Bảo mật thông tin

Điều 17. Các thoả thuận khác

Phụ lục I. CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN

Phụ lục II. THỎA THUẬN CÁC ĐẶC TÍNH VẬN HÀNH

Phụ lục III. GIÁ MUA BÁN ĐIỆN, TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số .../2017/TT-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí và giá điện nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

Căn cứ nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ được sự ủy quyền của _____
_____ theo văn bản ủy quyền

số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Bên mua: Tổng công ty Điện lực ...

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ được sự ủy quyền của _____
_____ theo văn bản ủy quyền

số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Cùng nhau thống nhất Hợp đồng mua bán điện cho Nhà máy điện theo các nội dung sau:

Điều 1. Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên bán* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, sở hữu Nhà máy điện...
2. *Bên mua* là Tổng công ty Điện lực....
3. *Chu kỳ giao dịch* là chu kỳ tính toán giá điện năng trên thị trường điện, trong khoảng thời gian 01 giờ tính từ phút đầu tiên mỗi giờ.
4. *Công suất khả dụng công bố* là mức công suất sẵn sàng của tổ máy hoặc Nhà máy điện tại một thời điểm xác định do Bên bán công bố.
5. *Điểm đấu nối* là điểm nối trang thiết bị, lưới điện và Nhà máy điện vào Hệ thống điện quốc gia.
6. *Điểm giao nhận điện* là điểm đo đếm để xác định sản lượng điện năng của Bên bán giao cho Bên mua.
7. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia* là đơn vị chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.
8. *Giá công suất thị trường* là mức giá cho một đơn vị công suất tác dụng xác định cho mỗi chu kỳ giao dịch, áp dụng để tính toán khoản thanh toán công suất cho các đơn vị phát điện trong thị trường điện.
9. *Giá điện năng thị trường* là mức giá cho một đơn vị điện năng xác định cho mỗi chu kỳ giao dịch, áp dụng để tính toán khoản thanh toán điện năng cho các đơn vị phát điện trong thị trường điện.
10. *Hệ thống điện quốc gia* là hệ thống các trang thiết bị phát điện, lưới điện và các trang thiết bị phụ trợ được liên kết với nhau và được chỉ huy thống nhất trong phạm vi cả nước.
11. *Hợp đồng* là Hợp đồng mua bán điện này, bao gồm các Phụ lục và các sửa đổi, bổ sung sau này.
12. *Lệnh điều độ* là lệnh chỉ huy, điều khiển chế độ vận hành hệ thống điện trong thời gian thực.
13. *Ngày* là ngày dương lịch.
14. *Ngày vận hành thương mại của Nhà máy điện* là ngày vận hành thương mại hoặc chính thức tổ máy phát điện cuối cùng và Nhà máy điện được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện cho tất cả các tổ máy phát điện.
15. *Nhà máy điện* là Nhà máy điện [*tên Nhà máy điện*] có tổng công suất lắp đặt là [...] MW, bao gồm [...] tổ máy, công suất mỗi tổ máy là [...] MW được xây dựng tại [địa điểm của nhà máy].

16. *Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện* là những quy chuẩn kỹ thuật ngành điện bắt buộc thực hiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành và các quy định, tiêu chuẩn, thông lệ được áp dụng trong ngành điện của các tổ chức quốc tế, các nước khác ban hành phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

17. *Thiết bị đấu nối* là đường dây tải điện, hệ thống thiết bị đo đếm, điều khiển, rơ le bảo vệ, thiết bị đóng cắt, hệ thống thông tin liên lạc và công trình xây dựng đồng bộ cho việc đấu nối Nhà máy điện đến Điểm đấu nối.

18. *Thị trường bán buôn điện cạnh tranh* là thị trường điện cấp độ thứ hai quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 18 Luật Điện lực và hoạt động theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành.

Điều 2. Hiệu lực và thời hạn Hợp đồng

1. Hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký chính thức, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Thời hạn Hợp đồng

Trừ khi gia hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thời hạn Hợp đồng được quy định là 25 năm kể từ ngày vận hành chính thức nhà máy điện.

Điều 3. Mua bán điện năng

1. Giá hợp đồng: Quy định tại Mục I Phụ lục III của Hợp đồng.

Hai bên thỏa thuận, thống nhất tiếp tục áp dụng giá cố định bình quân nhiều năm của nhà máy FC (đồng/kWh) sau khi hết thời hạn Hợp đồng đến hết đời sống kinh tế nhà máy điện để làm căn cứ quy định giá điện của nhà máy điện cho các Hợp đồng mua bán điện tiếp theo.

2. Sản lượng hợp đồng: Quy định tại Khoản 3 Mục I Phụ lục III của Hợp đồng.

3. Tiền điện thanh toán: Theo quy định thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

Điều 4. Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết như sau:

1. Mỗi bên được thành lập hợp pháp để hoạt động theo pháp luật Việt Nam và có đủ thẩm quyền tham gia ký kết và thực hiện Hợp đồng, có đủ năng lực hoạt động kinh doanh, sở hữu tài sản và thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

2. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng của một bên không vi phạm các quy định trong điều lệ doanh nghiệp của bên đó, không vi phạm các quy định của pháp luật và quyết định, bản án của tòa án mà bên đó là đối tượng áp

dụng hoặc hợp đồng, thoả thuận khác mà bên đó là một bên tham gia.

3. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng của các bên được thực hiện đúng theo điều kiện và nội dung của Giấy phép hoạt động điện lực được cơ quan có thẩm quyền cấp và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hai bên không phải là đối tượng bị kiện trong vụ kiện tại toà án hoặc trọng tài thương mại hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mà kết quả của vụ kiện này có thể làm thay đổi đáng kể khả năng tài chính hoặc khả năng thực hiện nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng, hoặc có thể gây ảnh hưởng tới giá trị và hiệu lực của Hợp đồng.

5. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nghĩa vụ và nội dung quy định tại Hợp đồng.

Điều 5. Điều độ và vận hành Nhà máy điện

1. Nghĩa vụ đăng ký phương thức huy động

Bên bán có nghĩa vụ đăng ký với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia và gửi cho Bên mua bản đăng ký phương thức huy động từng tổ máy của Nhà máy điện theo Quy định về trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia do Cục Điều tiết điện lực ban hành, Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy trình điều độ hệ thống điện do Bộ Công Thương ban hành, Quy trình phối hợp vận hành giữa Bên bán và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Vận hành Nhà máy điện

a) Bên bán có trách nhiệm tuân thủ các quy định về điều độ và vận hành Nhà máy điện theo Quy định hệ thống điện truyền tải, Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và Quy trình điều độ hệ thống điện do Bộ Công Thương ban hành; Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện và các văn bản có liên quan khác. Bên bán có nghĩa vụ bảo dưỡng, vận hành các tổ máy của Nhà máy điện theo đặc tính kỹ thuật tại Phụ lục I và Phụ lục II của Hợp đồng;

b) Bên bán có nghĩa vụ lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị để hoà đồng bộ Nhà máy điện với hệ thống điện quốc gia. Bên bán có trách nhiệm tuân thủ Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ Công Thương ban hành, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện và các quy định về điều độ khi hoà đồng bộ Nhà máy điện với hệ thống điện quốc gia;

c) Trường hợp phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia đe dọa gây sự cố các thiết bị chính của Nhà máy điện, gây thương tích hoặc thiệt hại về người và thiết bị, Bên bán có quyền tách các tổ máy khỏi Hệ thống điện.

Điều 6. Lập hoá đơn và thanh toán

1. Lập hóa đơn và thanh toán tiền điện

a) Trước ngày 05 hàng tháng, Bên bán gửi thông báo thanh toán tiền điện kèm theo hồ sơ thanh toán của tháng trước liền kề cho Bên mua.

Nội dung hồ sơ thanh toán hợp đồng theo quy định thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán, Bên mua kiểm tra tính chính xác của hồ sơ thanh toán. Trường hợp phát hiện có sai sót, Bên mua thông báo bằng văn bản cho Bên bán để hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán. Sau khi kiểm tra hồ sơ thanh toán, Bên mua gửi thông báo xác nhận hồ sơ thanh toán cho Bên bán;

c) Trước ngày 20 hàng tháng, Bên bán phát hành và gửi hoá đơn thanh toán cho Bên mua. Hóa đơn thanh toán được lập theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Đến ngày đến hạn thanh toán do hai bên thỏa thuận, Bên mua có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền ghi trong hóa đơn thanh toán tiền điện của tháng trước liền kề bằng phương thức chuyển khoản. Phí chuyển khoản do Bên mua chịu;

đ) Trường hợp tại thời điểm phát hành hóa đơn thanh toán mà không có đủ số liệu để lập hóa đơn (bao gồm cả bản kê thanh toán do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia cung cấp), Bên bán có quyền tạm tính tiền điện thanh toán trên cơ sở ước tính hợp lý các số liệu còn thiếu, giá điện tạm tính bằng 80% giá điện Hợp đồng. Khoản tiền thanh toán hiệu chỉnh được bù trừ vào tiền điện thanh toán của tháng có số liệu chính thức.

2. Tranh chấp trong thanh toán

a) Trường hợp không đồng ý với một phần hoặc toàn bộ khoản tiền ghi trong hóa đơn thanh toán, Bên mua phải có thông báo bằng văn bản trước ngày đến hạn thanh toán về khoản tiền ghi trong hóa đơn và lý do không đồng ý. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền không tranh chấp trước hoặc trong ngày đến hạn thanh toán;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về khoản tiền tranh chấp, Bên bán phải gửi văn bản trả lời chính thức cho Bên mua. Trường hợp hai bên không thống nhất về khoản tiền tranh chấp, một trong hai bên có quyền thực hiện các quy định giải quyết tranh chấp tại Điều 11 của Hợp đồng.

Trường hợp tranh chấp phát sinh từ thông tin trong bản kê thanh toán của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia, các bên phải áp dụng các quy định giải quyết tranh chấp trong thị trường điện quy định tại Quy định vận hành thị trường điện do Bộ Công Thương ban hành.

c) Trường hợp một bên không có văn bản thông báo tranh chấp về khoản tiền thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn thì bên

đó được xem là từ bỏ quyền khiếu nại về khoản tiền phải thanh toán trong hóa đơn đã phát hành.

3. Xác định tiền lãi

Việc tính lãi được áp dụng cho:

a) Khoản tiền điện hàng tháng chậm trả khi đến hạn thanh toán quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

b) Khoản tiền phải trả theo quyết định giải quyết tranh chấp quy định tại Điều 11 của Hợp đồng;

c) Khoản hiệu chỉnh tiền điện phải thanh toán hàng tháng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

Tiền lãi được ghép lãi hàng tháng từ ngày ngay sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán thực tế với lãi suất được tính bằng trung bình của lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam vào ngày đến hạn thanh toán tại hóa đơn, kỳ hạn 12 tháng trả sau dành cho khách hàng cá nhân của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam hoặc đơn vị kế thừa hợp pháp của các ngân hàng này cộng biên lãi suất 3%/năm.

4. Bù trừ

Các bên có thể bù trừ khoản nợ, các khoản tiền tranh chấp đã được giải quyết, các khoản tiền hiệu chỉnh và tiền lãi vào tiền điện thanh toán hàng tháng khi lập hóa đơn cho tháng thanh toán gần nhất.

Điều 7. Sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng và chế tài áp dụng

1. Các sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng của Bên mua

a) Các sự kiện liên quan đến giải thể, phá sản của Bên bán gồm:

(i) Bên bán bị giải thể (trừ khi việc giải thể là để sáp nhập hoặc hợp nhất);

(ii) Bên bán không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;

(iii) Bên bán thực hiện việc chuyển nhượng hoặc sáp nhập toàn bộ công ty với bên chủ nợ hoặc sáp nhập vì lợi ích của bên chủ nợ;

(iv) Bên bán có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản đối với Bên bán.

b) Bên bán vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng và vi phạm này không được khắc phục trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có thông báo của Bên mua về hành vi vi phạm đó.

2. Các sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng của Bên bán

a) Các sự kiện liên quan đến giải thể, phá sản của Bên mua gồm:

(i) Bên mua bị giải thể (trừ khi việc giải thể là để sáp nhập hoặc hợp nhất);

(ii) Bên mua không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;

(iii) Bên mua thực hiện việc chuyển nhượng hoặc sáp nhập toàn bộ công ty với bên chủ nợ hoặc sáp nhập vì lợi ích của bên chủ nợ;

(iv) Bên mua có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản đối với Bên mua.

b) Bên mua vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ theo quy định Hợp đồng và vi phạm này không được khắc phục trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có thông báo của Bên bán về hành vi vi phạm đó.

Điều 8. Chấm dứt và đình chỉ thực hiện Hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận

Các bên có quyền thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

a) Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 1; Điểm a Khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng và sự kiện này kéo dài làm ảnh hưởng tới một bên trong Hợp đồng, bên bị ảnh hưởng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 90 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho bên kia;

b) Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng đối với một bên và sự kiện này kéo dài từ 180 ngày trở lên, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo;

c) Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng việc thực hiện Hợp đồng của một bên theo quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng, bên bị ảnh hưởng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo.

3. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng

Bên mua có quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng, sau khi thông báo cho Bên bán, trong trường hợp Bên bán bị Cục Điều tiết điện lực đình chỉ quyền tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh hoặc bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện. Thời hạn đình chỉ thực hiện Hợp đồng không vượt quá thời hạn đình chỉ quyền tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động điện lực.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại

1. Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra cho Bên bị vi phạm về những tổn thất, thiệt hại hay các chi phí mà Bên bị vi phạm phải chịu trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Cách tính toán giá trị thiệt hại thực hiện theo quy định tại Bộ luật Dân sự.

2. Trong trường hợp có yêu cầu bồi thường, Bên được bồi thường thông báo ngay bằng văn bản cho Bên bồi thường xác định tính chất của sự việc yêu cầu được bồi thường. Sự chậm trễ của Bên được bồi thường trong việc gửi thông báo sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa vụ bồi thường của Bên bồi thường, trừ trường hợp Bên bồi thường thực sự bị thiệt hại bởi sự chậm trễ thông báo của Bên được bồi thường.

Điều 10. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm

1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận;
- b) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
- c) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng;
- d) Xảy ra trường hợp bất khả kháng.

Bất khả kháng là các sự kiện, các tình huống xảy ra không thể tránh được, ngoài khả năng kiểm soát của một bên làm ngăn cản hoặc gây trì hoãn việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng của bên đó mặc dù đã thực hiện các biện pháp hợp lý.

Các sự kiện được xem là sự kiện hoặc tình huống bất khả kháng là các sự kiện, tình huống làm cản trở hoặc gây trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của các bên với điều kiện các sự kiện và tình huống đó không nằm trong khả năng kiểm soát hợp lý của bên bị ảnh hưởng, không do lỗi hay sự bất cẩn của bên bị ảnh hưởng và bên bị ảnh hưởng vẫn không thể tránh được nếu áp dụng các biện pháp, thông lệ, quy trình, tiêu chuẩn hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện hoặc tình huống sau:

- (i) Quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền ảnh hưởng bất lợi đến khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của một bên;
- (ii) Các sự kiện do thiên tai như cháy, nổ, hạn hán, lũ lụt, núi lửa phun trào, động đất, lở đất, triều cường, bão, lốc xoáy, bão lớn hoặc các sự kiện tương tự;

(iii) Bạo động, biểu tình, nổi loạn, phiến loạn, các hoạt động của chiến tranh dù chiến tranh có được tuyên bố hay không, các hoạt động chống đối, khủng bố, phá hoại, cấm vận, phong tỏa, kiểm dịch hoặc các sự kiện tương tự;

(iv) Nhà máy điện hoặc các tài sản của Bên bán bị quốc hữu hóa, tước quyền sở hữu hoặc tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(v) Bên bán không được các cơ quan có thẩm quyền cấp các văn bản cho phép, các văn bản phê duyệt cần thiết mặc dù Bên bán đã tuân thủ tất cả các nghĩa vụ được quy định theo pháp luật liên quan đến việc cấp các văn bản cho phép, các văn bản phê duyệt nói trên.

2. Thông báo và và xác nhận trường hợp miễn trách nhiệm

a) Bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và những hậu quả có thể xảy ra;

b) Khi trường hợp miễn trách nhiệm chấm dứt, bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết; nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.

c) Bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh với bên bị vi phạm về trường hợp miễn trách nhiệm của mình.

3. Miễn trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng

a) Bên vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm thường xuyên cung cấp các báo cáo cho bên kia về quá trình thực hiện các biện pháp khắc phục sự kiện bất khả kháng hoặc các thông tin khác theo yêu cầu hợp lý của bên kia để chứng minh việc viện dẫn sự kiện bất khả kháng; thông báo cho bên kia về thời điểm kết thúc sự kiện bất khả kháng trong thời hạn 48 giờ từ thời điểm kết thúc, trừ trường hợp mất thông tin liên lạc;

b) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng chỉ được miễn trách nhiệm liên quan tới việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra sau khi đã có thông báo và thực hiện trách nhiệm khắc phục theo quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Trong trường hợp bất khả kháng, nếu một bên bị cản trở thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng trong thời hạn 180 ngày hoặc trong thời hạn dài hơn, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Hợp đồng.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa các bên trong Hợp đồng, bên tranh chấp phải thông báo bằng văn bản cho bên kia về nội dung tranh chấp. Các bên có trách nhiệm trao đổi để giải quyết tranh chấp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có thông báo của bên đưa ra tranh chấp. Đối với các tranh chấp về

thanh toán các khoản chi phí, các bên có trách nhiệm trao đổi trong thời hạn 15 ngày. Các bên có quyền thỏa thuận bằng văn bản về việc kéo dài thời hạn trao đổi để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp hai bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua trao đổi trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, hai bên thống nhất chuyển vụ việc tranh chấp đến Cục Điều tiết điện lực hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp khác do hai bên thống nhất lựa chọn để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Giai đoạn chuyển tiếp sang thị trường bán lẻ cạnh tranh

Trong thời hạn Hợp đồng, trường hợp Thị trường bán buôn cạnh tranh được thay thế bằng thị trường bán lẻ cạnh tranh hoặc loại hình thị trường khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, các bên có nghĩa vụ đàm phán để sửa đổi hoặc thay thế Hợp đồng này phù hợp với cấu trúc thị trường điện mới với điều kiện giá trị kinh tế của Hợp đồng đối với các bên không bị ảnh hưởng.

Điều 13. Lưu giữ hồ sơ và cung cấp thông tin

1. Lưu giữ hồ sơ

Các bên có nghĩa vụ lưu giữ các hồ sơ, dữ liệu, tài liệu hoặc các thông tin cần thiết để xác minh tính chính xác của hóa đơn, các loại giá hoặc các tính toán theo Hợp đồng hoặc để xác minh các bên đã tuân thủ các nội dung của Hợp đồng.

2. Cung cấp thông tin

Mỗi bên có trách nhiệm cung cấp số liệu, tài liệu hoặc các chứng từ cần thiết trong mức độ hợp lý cho bên kia để xác minh tính chính xác của các hóa đơn thanh toán, cách tính giá hoặc các tính toán theo Hợp đồng hoặc để xác minh các bên đã tuân thủ các nội dung của Hợp đồng.

Điều 14. Các chi phí khác

Mỗi bên có trách nhiệm nộp các khoản thuế và phí hoặc thanh toán các khoản nợ phát sinh của mình khi thực hiện Hợp đồng. Hai bên thống nhất Hợp đồng này không bao gồm chi phí truyền tải điện, chi phí phân phối điện, chi phí đấu nối hoặc các chi phí tương tự khác và mỗi bên phải có trách nhiệm thanh toán các loại chi phí đó theo quy định hiện hành.

Điều 15. Đại diện có thẩm quyền và trao đổi thông tin

1. Đại diện có thẩm quyền

Đại diện có thẩm quyền của hai bên trong Hợp đồng là:

Bên bán:

Bên mua:

2. Trao đổi thông tin

a) Các thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin cần thiết khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được lập thành văn bản, nêu rõ ngày lập, sự liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi theo các địa chỉ sau:

Bên bán: _____

Bên mua: _____

b) Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin khác được gửi theo các hình thức quy định tại Điểm a Khoản này được xem là đã được giao và nhận tại thời điểm:

(i) Khi giao, trong trường hợp giao tận tay hoặc:

(ii) Khi ký nhận thư bảo đảm, trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm; hoặc:

(iii) Tại thời điểm thực tế nhận được fax, trong trường hợp truyền bằng fax, với điều kiện là người gửi đã nhận được xác nhận việc truyền không bị lỗi hoặc:

(iv) Tại thời điểm văn thư của cơ quan xác nhận công văn đến, trong trường hợp gửi bằng thư thường.

Điều 16. Bảo mật thông tin

Mỗi bên có nghĩa vụ bảo mật thông tin, tài liệu do bên kia cung cấp theo Hợp đồng và không công bố, công khai hay sử dụng các tài liệu, thông tin đó cho các mục đích khác ngoài mục đích thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng, trừ các trường hợp:

1. Công bố hoặc sử dụng các thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, thông tin được yêu cầu cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền.

3. Các tài liệu, thông tin đó đã được công bố công khai không phải từ các bên trong Hợp đồng.

Điều 17. Các thoả thuận khác

1. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được các bên thoả thuận bằng văn bản và được Cục Điều tiết điện lực kiểm tra, có ý kiến bằng văn bản.

2. Hợp đồng hoàn chỉnh

Hợp đồng này là thoả thuận hoàn chỉnh cuối cùng giữa các bên tham gia và thay thế các nội dung đã thảo luận, thông tin, thư tín trao đổi liên quan trước khi ký kết Hợp đồng.

3. Bên thứ ba

Hợp đồng này chỉ phục vụ cho lợi ích của hai bên và không tạo ra quyền lợi hay nghĩa vụ cho bên thứ ba.

4. Không liên doanh

Hợp đồng này không phải hợp đồng liên doanh, liên kết giữa các bên hay áp đặt nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý mang tính chất liên doanh, liên kết lên một trong hai bên. Không bên nào có quyền tham gia ký kết hợp đồng hoặc thay mặt bên kia với vai trò là một đại lý hoặc người đại diện để thực hiện các nghĩa vụ với bên kia.

5. Từ bỏ thực hiện quyền

Việc từ bỏ thực hiện quyền theo Hợp đồng của một bên phải được lập thành văn bản và do đại diện có thẩm quyền của bên đó ký. Việc không thực hiện hay chậm trễ thực hiện quyền của bất kỳ bên nào theo Hợp đồng này sẽ không được hiểu là sự từ bỏ các quyền đó.

6. Thực hiện nghĩa vụ còn lại

Việc hủy bỏ, chấm dứt hoặc hết thời hạn Hợp đồng không làm chấm dứt thực hiện nghĩa vụ còn lại của các bên theo Hợp đồng.

7. Luật áp dụng

Việc giải thích và thực hiện Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

8. Tính độc lập của các nội dung Hợp đồng

Trường hợp một phần nội dung trong Hợp đồng không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc vô hiệu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì các nội dung khác của Hợp đồng vẫn có hiệu lực nếu phần còn lại thể hiện đầy đủ nội dung mà không liên quan tới phần bị vô hiệu.

Hợp đồng được lập thành 09 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 04 bản. Bên bán có trách nhiệm gửi 01 bản tới Cục Điều tiết điện lực.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

Phụ lục I
CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

Bao gồm các mô tả, biểu đồ và đặc điểm kỹ thuật của Nhà máy điện

1. Tuabin

- a) Số lượng
- b) Loại
- c) Nhà sản xuất

2. Máy phát điện

- a) Số lượng
- b) Loại
- c) Công suất tổ máy (MVA)
- d) Điện áp phát (kV)
- đ) $\cos\varphi$
- e) Số vòng quay (vòng/phút)
- g) Tần số
- h) Nhà cung cấp

3. Máy biến áp

- a) Số lượng
- b) Công suất (MVA)
- c) Tỷ số biến
- d) Sơ đồ đấu dây
- đ) Điện áp ngắn mạch U_k
- e) Loại (Mô tả đặc tính kỹ thuật MBA)

4. Hệ thống điều tốc, hệ thống kích từ

5. Thiết bị phân phối, đóng ngắt điện

- a) Máy cắt kV
 - Số lượng
 - Chung loại
- b) Dao cách lykV

- Số lượng
- Chung loại
- c) Máy biến dòng điệnkV
 - Số lượng
 - Chung loại
- d) Máy biến điện ápkV
 - Số lượng
 - Chung loại
- đ) Chống sét vankV
 - Số lượng
 - Chung loại
- e) Tủ điện liên lạc và cuộn cảm cao tần
 - Số lượng
 - Chung loại
- g) Hệ thống rơ-le bảo vệ và điều khiển tự động, hệ thống thiết bị phụ trợ

6. Đấu nối với lưới điện quốc gia

- a) Đường dây đấu nối
- b) Loại đường dây
- c) Điện áp định mức (.....kV)
- d) Dây dẫn
- đ) Dây chống sét
- e) Chiều dài tuyến

* Chủ đầu tư cập nhật lại các thông số sau ngày vận hành thương mại

Phụ lục II
THỎA THUẬN CÁC ĐẶC TÍNH VẬN HÀNH

(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

Hai bên thỏa thuận các đặc tính vận hành chính của nhà máy điện như sau:

1. Công suất phát của tổ máy

a) Công suất phát tối thiểu:MW.

b) Công suất phát tối đa:..... MW.

2. Thời gian để khởi động và hoà đồng bộ

Thời gian để khởi động tổ máy và hoà đồng bộ vào Hệ thống điện quốc gia kể từ khi ngừng máy như sau:

Tình trạng	Thời gian ngừng	Thời gian khởi động đến lúc hoà vào lưới
Khởi động lạnh	Từ ... giờ trở lên	... giờ
Khởi động ấm	Từ ... đến ... giờ	... giờ
Khởi động nóng	Dưới ... giờ	... giờ

3. Tốc độ thay đổi phụ tải

a) Tốc độ giảm tải trung bình: ... MW/phút.

b) Tốc độ tăng tải: ... MW/phút.

4. Công suất phản kháng, điều chỉnh điện áp và giới hạn tần số trong điều kiện vận hành bình thường

a) Nhà máy điện sẽ vận hành với hệ số công suất 0,85.

b) Điều chỉnh điện áp: Nhà máy điện vận hành đảm bảo phạm vi dao động điện áp $\pm 5\%$ của điện áp định mức tại điểm đấu nối với Hệ thống điện quốc gia.

Giới hạn của tần số: Nhà máy điện vận hành trong phạm vi dải tần số từ 49,5Hz đến 50,5 Hz.

c) Khả năng điều chỉnh tần số.

Phụ lục III
GIÁ MUA BÁN ĐIỆN, TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN

(Kèm theo Hợp đồng số ...ngày ... tháng ... năm...)

I. Giá Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

1. Giá Hợp đồng của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu

1.1. Giá Hợp đồng mua bán điện

Giá Hợp đồng của Nhà máy điện tại thời điểm thanh toán tiền điện tháng t , năm j ($P_{C,j,t}$) (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng) được xác định theo công thức sau (đồng/kWh):

$$P_{C,j,t} = FC_j + FOMC_{j,t}$$

Trong đó:

FC_j : Giá cố định năm j (đồng/kWh);

$FOMC_{j,t}$: Giá vận hành và bảo dưỡng tháng t , năm j (đồng/kWh).

1.2. Giá cố định:

Giá cố định bình quân nhiều năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng) là ... (đồng/kWh).

1.3. Giá vận hành và bảo dưỡng:

Giá vận hành và bảo dưỡng tháng t , năm j $FOMC_{j,t}$ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng) được xác định theo công thức sau:

$$FOMC_{j,t} = FOMC_j^{scl} + FOMC_{j,t}^{nc}$$

Trong đó:

$FOMC_j^{scl}$: Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác năm j (đồng/kWh);

$FOMC_{j,t}^{nc}$: Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công tháng t , năm j (đồng/kWh).

a) Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác năm j ($FOMC_j^{scl}$) được xác định theo công thức sau (đồng/kWh):

$$FOMC_j^{scl} = FOMC_b^{scl} \times \prod_{j=1} (1 + i_j)$$

Trong đó:

$FOMC_b^{scl}$: Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác năm áp dụng giá là ... (đồng/kWh);

i : Tỷ lệ trượt thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí khác là 2,5%/năm;

j : Số thứ tự năm thanh toán tính từ năm áp dụng giá (đối với năm áp dụng giá $j=1, i=0$).

b) Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công tháng t , năm j ($FOMC_{j,t}^{nc}$) được xác định theo công thức sau (đồng/kWh):

$$FOMC_{j,t}^{nc} = FOMC_b^{nc} \times \prod_{j=1} (1 + i_j)$$

Trong đó:

$FOMC_b^{nc}$: Thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công năm áp dụng giá là ... (đồng/kWh);

i : Tỷ lệ trượt thành phần giá vận hành và bảo dưỡng theo chi phí nhân công là 2,5%/năm;

j : Số thứ tự năm thanh toán tính từ năm áp dụng giá (đối với năm áp dụng giá $j=1, i=0$).

2. Giá Hợp đồng của nhà máy điện đã hết khấu hao các tài sản chính

Giá Hợp đồng của nhà máy điện đã hết khấu hao các tài sản chính tại thời điểm thanh toán tiền điện tháng t , năm j ($P_{C,j,t}$) (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng) được xác định theo công thức sau (đồng/kWh):

$$P_{C,j,t} = \frac{C_{CK} + LN}{A_{bq}}$$

Trong đó:

C_{CK} : Tổng chi phí bình quân năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong chu kỳ tính giá;

LN : Lợi nhuận định mức của nhà máy điện, được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu tương ứng với giá trị tài sản còn lại của

nhà máy và tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu theo quy định;

A_{bq} : Điện năng xuất tuyến bình quân năm trong 5 năm gần nhất thời điểm đàm phán giá điện.

3. Sản lượng điện năng theo Hợp đồng

1. Sản lượng điện năng phát bình quân nhiều năm tại điểm giao nhận điện của nhà máy theo thời hạn Hợp đồng của Nhà máy điện là [...] kWh.

2. Sản lượng Hợp đồng năm N được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xác định trong quá trình lập kế hoạch vận hành năm tới.

3. Sản lượng kế hoạch năm của Nhà máy điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia xác định trong quá trình lập kế hoạch vận hành năm tới theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

4. Sản lượng hợp đồng tháng, sản lượng hợp đồng của các chu kỳ giao dịch trong tháng tới của Nhà máy điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia xác định trong quá trình lập kế hoạch vận hành năm tới theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

II. Thanh toán tiền điện theo Hợp đồng

(Cơ chế thanh toán theo quy định thị trường bán buôn điện cạnh tranh).